

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 586/TTr-STNMT ngày 28/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Khu công nghiệp (KCN) Quế Võ, phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy khí công nghiệp Air Liquide Quang Châu” tại Lô T2, KCN Quang Châu, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung

1.1. Tên dự án: Nhà máy khí công nghiệp Air Liquide Quang Châu.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam.

1.3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô T2, KCN Quang Châu, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2300103521 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 07/9/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24/11/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh 00004 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 22/2/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 07/12/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 9830540741 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 10/02/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 31/7/2024.

Giấy chứng nhận số 21/GCN-SCT ngày 29/01/2024 của Sở Công Thương tỉnh Bắc Ninh về việc đủ điều kiện sản xuất hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

1.5. Mã số thuế: 2300103521.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất Ni-tơ dạng khí và dạng lỏng dùng trong sản xuất công nghiệp, đóng gói và sản xuất thực phẩm.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

* Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Lô T2, KCN Quang Châu, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với diện tích đất sử dụng là 16.136,4 m².

* Quy mô, mục tiêu dự án:

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*) và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường¹.

- Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)².

- Mục tiêu dự án: Sản xuất Ni-tơ dạng khí và dạng lỏng dùng trong sản xuất công nghiệp, đóng gói và sản xuất thực phẩm.

* Công suất dự án: Sản xuất Ni-tơ dạng lỏng và dạng khí dùng trong sản xuất công nghiệp, đóng gói và sản xuất thực phẩm, trong đó:

- Sản xuất Ni-tơ dạng lỏng: 3.288 tấn/năm.

- Sản xuất Ni-tơ dạng khí: 128.736.000 Nm³/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

¹ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

² quy định tại STT 2, mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam có trách nhiệm:

2.1 Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Giấy phép môi trường số 456/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam được thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy khí công nghiệp Air Liquide Quang Châu” tại Lô T2, KCN Quang Châu, thị xã Việt Yên hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy khí công nghiệp Air Liquide Quang Châu” tại Lô T2, KCN Quang Châu, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam làm chủ dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 830/QĐ-STNMT ngày 01/11/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy khí công nghiệp Air Liquide Quang Châu” và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

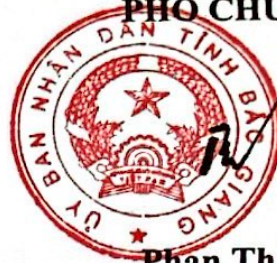
Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang; Chủ tịch UBND thị xã Việt Yên; Chủ tịch UBND phường Vân Trung và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Q.CT, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT. Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thế Tuấn



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1043 /QĐ-UBND ngày 05 /12/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Lý do:

Nước thải sinh hoạt của dự án được thu gom về trạm xử lý nước thải công suất 02 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B; nước thải sản xuất của dự án được thu gom về trạm xử lý nước thải công suất 40 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Sau đó toàn bộ nước thải sau xử lý được đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu, thị xã Việt Yên do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận (theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 102/HĐXLNT/QC/2023/T2 giữa Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang); dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn (không có hoạt động nấu ăn tại dự án) dẫn theo đường ống D200 dài khoảng 61m dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 02 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

- Nước thải sản xuất bao gồm: Nước thải phát sinh từ quá trình xả đáy bể làm mát được thu gom bằng đường ống D200, có tổng chiều dài 27,8 m; nước thải từ quá trình ngưng tụ (từ thiết bị nén khí; thiết bị làm mát) được thu gom bằng đường ống D110 có tổng chiều dài 135,3 m. Toàn bộ nước thải sản xuất được thu gom về trạm xử lý nước thải sản xuất công suất 40 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt của dự án:

- Nước thải sinh hoạt → Hồ ga tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga nước thải (cùng điểm đầu nối với nước thải sản xuất sau xử lý) và thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu, thị xã Việt Yên.

- Công nghệ xử lý nước thải: Xử lý bằng công nghệ sinh học.
- Công suất thiết kế: 02 m³/ngày.
- Hóa chất sử dụng: Viên nén Clo khử trùng 27 kg/tháng.

* Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất của dự án:

- Nước thải sản xuất → Hồ ga → Ngăn điều hòa + bể gom → Thiết bị xử lý CPI → Bể chứa → Hồ ga nước thải (cùng điểm đầu nối với nước thải sinh hoạt sau xử lý) và thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu, thị xã Việt Yên.

- Công nghệ xử lý nước thải: Xử lý bằng cụm bể 3 ngăn có sử dụng thiết bị CPI (thiết bị CPI có tác dụng tách dầu và cặn lơ lửng).

- Công suất thiết kế: 40 m³/ngày đêm

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.3.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất. Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất, tư vấn thiết kế; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý đạt hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để phát hiện và xử lý kịp thời nếu hệ thống này gặp sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyên động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị bơm và định kỳ kiểm tra, vệ sinh mâm tách ở thiết bị CPI.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Trường hợp lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất thiết kế thì phải dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, khi đó chủ dự án có trách nhiệm thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng, đơn vị liên quan để kịp thời xử lý.

- Trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống này để khắc phục sự cố hơn 01 ngày, khi đó chủ dự án phải thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý theo quy định (nếu cần).

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều

chính và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, chủ dự án cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Khi gặp sự cố tắc mầm tách ở thiết bị CPI, cần tiến hành vệ sinh làm sạch mầm tách.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án gồm 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 02 m³/ngày đêm và 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 40 m³/ngày đêm; trong đó hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 02 m³/ngày đêm không thay đổi so với Giấy phép môi trường số 456/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang và chủ dự án đã thực hiện vận hành thử nghiệm công trình này theo quy định, được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát. Khi đó, đối chiếu quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì công trình xử lý chất thải này không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm. Vì vậy, chủ dự án chỉ thực hiện vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 40 m³/ngày đêm, cụ thể như sau:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 40 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Trước và sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 40 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trong giai đoạn vận hành ổn định, cụ thể như sau:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải sản xuất trước khi xử lý	Nhiệt độ, màu, pH, BOD ₅ (20 ⁰ C), COD, chất rắn lơ lửng (SS), Tổng Phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Photpho (tính theo P), Clorua (Cl), Coliform.	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
2	01 vị trí nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thoát ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu, thị xã Việt Yên. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng Tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2



BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 443/QĐ-UBND

ngày 05/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 nguồn

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung từ máy nén khí khu vực nhà sản xuất chính.
- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung từ máy nén khí, tháp làm sạch khí tại bãi thiết bị ngoài trời (ký hiệu No.3 trên bản vẽ).
- Nguồn số 3: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3°)

- Nguồn số 1: Tọa độ X=2348458, Y= 408835.
- Nguồn số 2: Tọa độ X=2348409, Y= 408885.
- Nguồn số 3: Tọa độ X=2348394, Y= 408852.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí vị trí đặt máy móc thích hợp, kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị gây ồn, thay thế nếu phát hiện hỏng hóc.

- Cân bằng tốt các vật quay để giảm rung động phát sinh tiếng ồn cơ khí. Đặt các máy móc có rung động gây ồn lên các bộ đàn hồi để chống lan truyền rung động vào kết cấu nhà xưởng gây ồn.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị chống ồn cho công nhân vận hành tại các khu vực có độ ồn cao (như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, ...).

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của nhân viên, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng.

- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khoẻ lâu dài cho các nhân viên vận hành. Có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám, chữa bệnh định kỳ cho nhân viên.

- Đảm bảo tỷ lệ cây xanh để hạn chế tiếng ồn phát tán, đồng thời tạo cảnh quan môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1043/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)



A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 3.104 kg/năm

TT	Thành phần	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	170
2	Giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	5
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	3
4	Pin thải, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	7
5	Aluminum không còn khả năng hấp phụ	Rắn	18 02 01	2.897
6	Bao bì nhựa cứng đựng hóa chất	Rắn	18 01 03	22
Tổng cộng				3.104

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng 57,3 kg/tháng

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Bao bì thải, bìa các tông thải	kg/tháng	7,0
2	Tấm lọc hồng thải	kg/tháng	40,0
3	Hộp chứa mực in trong văn phòng thải; mực in văn phòng thải	kg/tháng	3,0
4	Mảnh nhựa, gỗ, bạt che hồng	kg/tháng	7,5
Tổng cộng			57,5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 4,05 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống, nhựa, thủy tinh, giấy.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng nhựa, dung tích 240 lít/thùng; 04 thùng phuy, dung tích 200 lít/ thùng để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại. Bên ngoài các thùng có dán nhãn tên, mã số chất thải nguy hại và dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Bố trí kho chứa chất thải có diện tích 17 m², được chia làm 2 ngăn: ngăn lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 13 m², ngăn lưu chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 4 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch đặc, mái bằng tôn, nền xi măng, có rãnh bê tông, có cửa khép kín, ngoài cửa có gắn biển cảnh báo theo quy định về quản lý chất thải.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định (tần suất thu gom 01 lần/năm hoặc khi kho lưu chứa đầy nhưng không quá 01 năm).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng chứa, dung tích 240 lít/thùng để thu gom, lưu giữ chất thải rắn thông thường.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút bùn (từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất) mang đi xử lý theo quy định (tần suất thu gom 03 tháng/lần hoặc khu vực lưu chứa đầy).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng chứa, dung tích 20 lít/thùng, đặt tại khu vực văn phòng, nhà vệ bảo vệ, nhà sản xuất chính.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: Bố trí 01 xe đẩy rác, dung tích 0,5m³, có nắp đậy, đặt ở gần nhà chứa dầu để lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt mang đi xử lý theo quy định (tần suất thu gom 01 tháng/lần hoặc khi thiết bị lưu chứa đầy).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố theo quy định và chỉ được tiếp tục hoạt động sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1043 /QĐ-UBND

ngày 12/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)



Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt về hệ thống xử lý nước thải của dự án để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu, thị xã Việt Yên; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên trước ít nhất 10 (mười) ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát; thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 586/TTr-STNMT ngày 28/11/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án./

